Người ký: TRUNG TÂM THÔNG TIN - HỘI NGHỊ TỈNH QUẢNG NGÃI
Email: ttht@quangngai.gov.vn
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
Thời gian ký: 26.11.2026 16:54:06 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 449 /KH-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 11 năm 2026*

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 2033/QĐ-TTg ngày 23/10/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026 - 2035 và tầm nhìn đến năm 2045 *(sau đây viết tắt là Quyết định số 2033/QĐ-TTg);* xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 3934/TTr-SYT ngày 19/11/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Chiến lược quốc gia về phát triển trẻ em giai đoạn 2026-2035 và tầm nhìn đến năm 2045 phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện của các cấp, các ngành, địa phương.

b) Bảo đảm thực hiện ngày càng đầy đủ quyền trẻ em; tạo môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện, bình đẳng và có cơ hội phát triển toàn diện. Ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em khuyết tật và trẻ em sinh sống tại vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn khó khăn.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai phải bám sát mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Quyết định số 2033/QĐ-TTg; bảo đảm phù hợp chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và điều kiện thực tế của tỉnh.

b) Xác định cụ thể cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ và sản phẩm đầu ra; thực hiện phương châm "06 rõ": rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ thời gian, rõ kết quả.

c) Tăng cường phối hợp liên ngành, phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, hướng dẫn, giám sát; huy động sự tham gia của gia đình, nhà trường, cộng đồng, tổ chức, doanh nghiệp và trẻ em.

d) Bảo đảm sử dụng hiệu quả nguồn lực; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, đề án có liên quan; thường xuyên theo dõi, đánh giá và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát đến năm 2035

Bảo đảm trẻ em trên địa bàn tỉnh được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện, hạnh phúc; được thực hiện đầy đủ quyền trẻ em và tiếp cận công bằng các dịch vụ có chất lượng về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, giáo dục, bảo vệ, văn hóa, thể thao và phúc lợi xã hội. Tạo điều kiện để trẻ em phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống, kỹ năng số và năng lực sáng tạo; chú trọng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em tại địa bàn khó khăn.

2. Tầm nhìn đến năm 2045

Trẻ em trên địa bàn tỉnh được sống trong môi trường an toàn, lành mạnh, thân thiện và hạnh phúc; được bảo đảm đầy đủ các quyền, được tiếp cận công bằng và có chất lượng đối với các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, thể thao, phúc lợi xã hội và dịch vụ thiết yếu. Trẻ em được phát triển toàn diện, có khả năng thích ứng với xã hội số, hội nhập và trở thành nguồn nhân lực có chất lượng, đóng góp vào sự phát triển bền vững của tỉnh và đất nước.

3. Mục tiêu cụ thể

3.1. Bảo đảm trẻ em được sinh ra an toàn, khỏe mạnh, được chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng và phát triển thể chất, nâng cao tầm vóc:

a) Giảm tỷ suất tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi trên 1.000 trẻ đẻ sống xuống dưới 10 vào năm 2030 và dưới 8 vào năm 2035.

b) Tỷ lệ tiêm chủng các vắc xin cho trẻ em trong Chương trình tiêm chủng mở rộng đạt trên 95% vào năm 2030 và duy trì trên 95% vào năm 2035.

c) Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi xuống dưới 20% vào năm 2030 và dưới 17% vào năm 2035.

d) Trẻ em được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần.

đ) Đến năm 2030, chiều cao trung bình thanh niên tăng từ 1,5 - 2 cm đối với nam và 1 - 1,5 cm đối với nữ so với năm 2020; tiếp tục cải thiện đến năm 2035.

3.2. Bảo đảm cơ hội tiếp cận giáo dục công bằng, có chất lượng; phát triển tri thức, phẩm chất, kỹ năng và năng lực thích ứng trong thời đại số:

a) Tỷ lệ huy động trẻ em đi học mẫu giáo đạt 97% vào năm 2030 và duy trì từ 97% trở lên vào năm 2035.

b) Tỷ lệ học sinh được cung cấp kỹ năng sống đạt 90% vào năm 2030 và 95% vào năm 2035.

c) Tỷ lệ học sinh được cung cấp kỹ năng số đạt 85% vào năm 2030 và 95% vào năm 2035.

d) 100% cơ sở giáo dục triển khai hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn về sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi và chăm sóc sức khỏe tâm thần cho học sinh vào năm 2030.

3.3. Bảo vệ trẻ em trước nguy cơ bạo lực, xâm hại, bóc lột, tai nạn, thương tích; bảo đảm môi trường sống an toàn và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt:

a) Giảm tỷ lệ trẻ em bị bạo lực, xâm hại tình dục ít nhất 5% mỗi năm đến năm 2030 và phấn đấu giảm 3% mỗi năm trong giai đoạn 2031 - 2035.

b) Giảm tỷ lệ lao động trẻ em (người từ 05 - 17 tuổi) xuống dưới 1,1% vào năm 2030 và duy trì dưới 1,1% vào năm 2035.

c) Giảm tỷ suất trẻ em tử vong do tai nạn, thương tích xuống dưới 12/100.000 trẻ em vào năm 2030 và dưới 11/100.000 trẻ em vào năm 2035.

d) 100% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ, can thiệp và tiếp cận các dịch vụ phù hợp theo nhu cầu cơ bản vào năm 2030 và duy trì đến năm 2035.

3.4. Bảo đảm quyền tham gia của trẻ em; mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí:

a) Thực hiện đầy đủ quyền tham gia của trẻ em; thực hiện tham vấn, lấy ý kiến, phát triển mô hình quyền tham gia và tiếp nhận, phản hồi ý kiến, nguyện vọng của trẻ em theo Chương trình thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em giai đoạn 2026 - 2030; tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng đến năm 2035.

b) Tỷ lệ xã, phường, đặc khu có điểm sinh hoạt, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em đạt 85% vào năm 2030 và 90% vào năm 2035.

3.5. Nâng cao năng lực gia đình và hệ thống công tác trẻ em; tăng cường phối hợp liên ngành, quản lý dữ liệu và chuyển đổi số:

a) Đến năm 2030, hoàn thiện việc thu thập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối và chia sẻ dữ liệu quản lý trẻ em; thực hiện các chỉ tiêu quản lý dữ liệu đối với trẻ em bị xâm hại, trẻ em có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt theo chương trình có liên quan; tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng dữ liệu đến năm 2035, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

b) Tỷ lệ cha mẹ, người chăm sóc trẻ em được trang bị kiến thức, kỹ năng làm cha mẹ, hỗ trợ sự phát triển toàn diện của trẻ em phù hợp theo vòng đời đạt 85% vào năm 2030 và 95% vào năm 2035.

c) Đến năm 2027, 100% xã, phường, đặc khu có người được phân công thực hiện công tác trẻ em và kênh tiếp nhận, kết nối, chuyển xử lý thông tin

bảo vệ trẻ em; bảo đảm tiếp cận Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111 và cơ chế xử lý thông tin khẩn cấp; duy trì đến năm 2035.

d) 100% xã, phường, đặc khu có cơ chế phối hợp liên ngành về trẻ em hoạt động hiệu quả vào năm 2030 và duy trì đến năm 2035.

đ) 100% xã, phường, đặc khu xây dựng kế hoạch và bố trí ngân sách hằng năm thực hiện Chiến lược.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao năng lực quản trị, điều phối công tác trẻ em

a) Đưa các chỉ tiêu phát triển trẻ em vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và 5 năm của địa phương.

b) Kiện toàn, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác trẻ em, nhất là ở cấp xã; bố trí người được phân công, vận hành kênh tiếp nhận, chuyển xử lý thông tin bảo vệ trẻ em, kết nối hiệu quả với Tổng đài quốc gia bảo vệ trẻ em 111; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng quản lý và phối hợp xử lý vụ việc.

c) Hoàn thiện cơ chế phối hợp liên ngành, phân định rõ trách nhiệm và thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác trẻ em; tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu, hiệu quả quản lý nhà nước và phối hợp giữa Nhà nước, gia đình, nhà trường, cộng đồng trong thực hiện quyền trẻ em.

2. Chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, phát triển thể chất và hỗ trợ phát triển toàn diện trẻ em

a) Củng cố mạng lưới chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh, trẻ em và nâng cao chất lượng dịch vụ; tăng cường sàng lọc trước sinh, sơ sinh, phát hiện sớm, can thiệp sớm bệnh tật, khuyết tật, rối loạn phát triển và giảm tử vong trẻ em; ưu tiên vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, biên giới và hải đảo.

b) Thực hiện hiệu quả các chương trình dinh dưỡng, phòng, chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng, thừa cân, béo phì; thúc đẩy phát triển thể chất, cải thiện thể lực, chiều cao, tầm vóc trẻ em; chú trọng dinh dưỡng và chăm sóc trẻ trong 1.000 ngày đầu đời; phát triển các mô hình chăm sóc, giáo dục, phát triển toàn diện trẻ em.

c) Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí và kết nối, liên thông, cập nhật dữ liệu trên sổ sức khỏe điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan; quản lý, theo dõi sức khỏe và tăng trưởng, phát triển trẻ em phù hợp với độ tuổi; kết nối thông tin, kết quả chăm sóc sức khỏe giữa cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và gia đình; nâng cao chất lượng y tế trường học, dinh dưỡng học đường, nước sạch, vệ sinh môi trường và an toàn thực phẩm trong trường học, cơ sở giáo dục.

d) Tăng cường phòng ngừa, phát hiện sớm, tư vấn, chăm sóc và hỗ trợ sức khỏe tâm thần, sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi; phòng ngừa, giảm thiểu tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu, bia, ma túy và các chất gây nghiện đối với trẻ em.

đ) Phát triển và kết nối các dịch vụ chăm sóc, giáo dục, bảo vệ và trợ giúp xã hội cho trẻ em trong những năm đầu đời và theo từng giai đoạn phát triển; tăng cường hỗ trợ cha mẹ, người chăm sóc về kiến thức, kỹ năng chăm sóc, nuôi dưỡng, tương tác tích cực, phát hiện dấu hiệu bất thường và tiếp cận kịp thời các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ, can thiệp.

3. Nâng cao chất lượng giáo dục và phát triển phẩm chất, năng lực, nguồn nhân lực tương lai

a) Bảo đảm tiếp cận giáo dục có chất lượng, công bằng và bao trùm; hỗ trợ trẻ em đến trường, duy trì việc học, giảm bỏ học; ưu tiên trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em thuộc các nhóm cần ưu tiên hỗ trợ, nhất là trẻ em vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và địa bàn có điều kiện khó khăn; chú trọng bảo đảm điều kiện tiếp cận giáo dục hòa nhập đối với trẻ em khuyết tật.

b) Đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục theo hướng phát triển toàn diện phẩm chất, tư duy sáng tạo, kỹ năng sống, kỹ năng tự bảo vệ, giao tiếp, hợp tác và năng lực thích ứng; phát hiện, bồi dưỡng và tạo điều kiện phát triển năng khiếu, sở trường, tiềm năng của trẻ em, học sinh.

c) Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện; tăng cường giáo dục sức khỏe, giới tính, sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi, tư vấn tâm lý, hỗ trợ sức khỏe tâm thần, phòng, chống bạo lực học đường và trang bị kỹ năng phòng, chống tai nạn, đuối nước trong trường học, cơ sở giáo dục.

d) Phát triển năng lực thông tin, truyền thông, kỹ năng số và công dân số cho trẻ em; nâng cao khả năng nhận diện thông tin sai lệch, nội dung độc hại, bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư, sử dụng internet, trí tuệ nhân tạo và các nền tảng số an toàn, có trách nhiệm, phù hợp lứa tuổi.

4. Tăng cường bảo vệ trẻ em và xây dựng môi trường sống an toàn, lành mạnh, thân thiện

a) Củng cố hệ thống bảo vệ trẻ em theo hướng chuyên nghiệp, tích hợp, liên ngành, thực hiện hiệu quả ba cấp độ phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp; phát triển mạng lưới dịch vụ, quản lý trường hợp; phát huy vai trò gia đình, nhà trường, cộng đồng trong nhận diện nguy cơ, phát hiện, hỗ trợ trẻ em bị bạo lực, xâm hại, bóc lột, mua bán, bỏ rơi và trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; tăng cường kết nối, chuyển tuyến và hỗ trợ trẻ em tiếp cận kịp thời các dịch vụ phù hợp ngay từ cơ sở.

b) Triển khai các giải pháp phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước, các nguyên nhân gây tử vong và thương tích hàng đầu ở trẻ em; nhân rộng mô

hình gia đình, nhà trường, cộng đồng an toàn, cải thiện điều kiện và trang bị kỹ năng phòng tránh nguy cơ, kỹ năng ứng phó phù hợp với từng nhóm tuổi.

c) Chủ động phòng ngừa, ứng phó và bảo vệ, hỗ trợ trẻ em trong thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp; bảo đảm cơ chế cảnh báo, tiếp cận thông tin, dịch vụ thiết yếu và hỗ trợ phục hồi phù hợp với trẻ em.

d) Triển khai các biện pháp bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng; phối hợp phòng ngừa, phát hiện, xử lý nguy cơ xâm hại, lừa đảo, bắt nạt, dụ dỗ, bóc lột và các nguy cơ mới phát sinh từ công nghệ số; kết nối các cơ quan có thẩm quyền, gia đình, nhà trường và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số để hỗ trợ kịp thời trẻ em.

đ) Phát triển các dịch vụ trợ giúp xã hội, công tác xã hội, phục hồi chức năng, chăm sóc thay thế, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng; bảo đảm trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được hỗ trợ, can thiệp và tiếp cận kịp thời các dịch vụ phù hợp với nhu cầu; chủ động phát hiện, hỗ trợ, can thiệp sớm đối với trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt.

5. Thúc đẩy quyền tham gia của trẻ em và phát triển văn hóa, thể thao, vui chơi, giải trí

a) Bảo đảm quyền tham gia của trẻ em trong xây dựng, triển khai và giám sát chính sách, chương trình, kế hoạch và các quyết định liên quan đến trẻ em; thực hiện tham vấn, tiếp nhận, phản hồi ý kiến của trẻ em bằng hình thức phù hợp với độ tuổi, hoàn cảnh và điều kiện thực tế; phát triển các diễn đàn, mô hình và cơ chế tham gia có chất lượng, hiệu quả.

b) Phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động và khả năng tiếp cận các thiết chế văn hóa, thể thao, điểm sinh hoạt, vui chơi, giải trí an toàn, phù hợp với trẻ em; ưu tiên địa bàn khó khăn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và các nhóm cần hỗ trợ, bảo đảm cơ hội thụ hưởng bình đẳng.

c) Phát triển các sản phẩm, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, nội dung số có giá trị giáo dục, lành mạnh, phù hợp lứa tuổi; kiểm soát nội dung, dịch vụ có hại và tạo điều kiện để trẻ em tham gia sáng tạo, đề xuất sáng kiến, hoạt động văn hóa, thể thao và cộng đồng.

6. Đẩy mạnh chuyển đổi số, quản lý dữ liệu, thống kê và giám sát, đánh giá công tác trẻ em

a) Cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em; kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan.

b) Ứng dụng khoa học, công nghệ, công cụ số và trí tuệ nhân tạo có trách nhiệm trong quản lý, điều phối và cung cấp dịch vụ cho trẻ em; bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân của trẻ em.

c) Thực hiện thống kê, theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu; định kỳ rà soát chất lượng dữ liệu, kịp thời khắc phục tình trạng thiếu, trùng lặp hoặc sai lệch thông tin.

7. Đổi mới truyền thông, giáo dục, nâng cao nhận thức và kỹ năng về quyền trẻ em

a) Đổi mới nội dung, hình thức truyền thông, giáo dục và vận động xã hội về quyền trẻ em, trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc, giáo dục và phát triển trẻ em; bảo đảm phù hợp từng nhóm tuổi, địa bàn và điều kiện tiếp cận.

b) Trang bị kiến thức, kỹ năng cho trẻ em, cha mẹ, người chăm sóc, nhà trường và cộng đồng về dinh dưỡng, sức khỏe thể chất, tinh thần, phòng, chống bạo lực, xâm hại, tai nạn, đuối nước và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

c) Truyền thông kỹ năng phòng ngừa, ứng phó thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và tình huống khẩn cấp; chú trọng trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt và trẻ em tại địa bàn khó khăn.

8. Huy động nguồn lực và tăng cường hợp tác về phát triển trẻ em

a) Huy động, khuyến khích sự đóng góp, hỗ trợ tự nguyện, hợp pháp của doanh nghiệp, tổ chức, quỹ xã hội, quỹ từ thiện, cộng đồng và cá nhân.

b) Ưu tiên vận động, phân bổ nguồn lực cho địa bàn khó khăn, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trẻ em có nguy cơ rơi vào hoàn cảnh đặc biệt và nhóm trẻ em cần hỗ trợ; bảo đảm công khai, minh bạch, đúng quy định.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên hằng năm của cấp tỉnh, cấp xã theo phân cấp ngân sách và quy định pháp luật hiện hành.

2. Lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

4. Hằng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ nhiệm vụ được giao, xây dựng dự toán và quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Y tế: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch; chủ trì các nhiệm vụ về chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, dinh dưỡng, hệ thống bảo vệ trẻ em, trợ giúp xã hội đối với trẻ em, công tác xã hội, cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em và truyền thông thuộc lĩnh vực quản lý. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra; tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực

đội ngũ làm công tác trẻ em; tổng hợp tình hình, kết quả, khó khăn, vướng mắc báo cáo Bộ Y tế và cơ quan có thẩm quyền.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì thực hiện các mục tiêu về giáo dục mầm non, phổ thông; huy động trẻ em đến trường, duy trì sĩ số, giảm bỏ học; giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng số; xây dựng trường học an toàn, phòng, chống bạo lực học đường, tai nạn, thương tích, đuối nước; phối hợp thực hiện y tế trường học, chăm sóc sức khỏe tâm thần và sức khỏe sinh sản phù hợp lứa tuổi.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì phát triển thiết chế văn hóa, thể thao, điểm sinh hoạt, vui chơi, giải trí dành cho trẻ em; tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao phù hợp; tuyên truyền xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, phòng ngừa nội dung, sản phẩm văn hóa có hại đối với trẻ em.

4. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp phòng ngừa, phát hiện, điều tra, xử lý hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến trẻ em; bảo vệ trẻ em trước nguy cơ xâm hại, bóc lột, mua bán, bạo lực và nguy cơ trên môi trường mạng; phối hợp kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ công tác trẻ em theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì hướng dẫn, phối hợp triển khai công tác phòng ngừa, ứng phó, bảo vệ và hỗ trợ trẻ em trong thiên tai, thảm họa, biến đổi khí hậu, dịch bệnh thuộc phạm vi quản lý; lồng ghép nhu cầu của trẻ em trong phương án phòng, chống thiên tai và khắc phục hậu quả.

6. Sở Tài chính: Trên cơ sở đề xuất của các cơ quan, đơn vị và căn cứ nhiệm vụ được giao, tham mưu cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo khả năng cân đối ngân sách địa phương, quy định của Luật ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

7. Các sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động xây dựng kế hoạch hoặc lồng ghép nhiệm vụ phát triển trẻ em vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm; phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực phụ trách.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội: Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện Chiến lược; tham gia giám sát, phản biện xã hội đối với việc thực hiện chính sách, pháp luật về trẻ em; tiếp nhận, phản ánh kiến nghị; vận động, kết nối nguồn lực chăm lo, hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt.

9. UBND các xã, phường, đặc khu: Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch tại địa phương; đưa mục tiêu, chỉ tiêu trẻ em vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bố trí người làm công tác trẻ em, phân công đầu mối phối hợp liên ngành; duy trì kênh tiếp nhận, xử lý thông tin và kết nối Tổng đài 111; rà soát, quản lý, cập nhật dữ liệu trẻ em; tổ chức chăm sóc, bảo vệ, hỗ trợ

trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt; phát triển điểm vui chơi, giải trí; triển khai phòng, chống tai nạn, thương tích, đuối nước; bố trí kinh phí theo phân cấp và khả năng ngân sách. Định kỳ báo cáo kết quả về Sở Y tế.

(Cụ thể nhiệm vụ tại Phụ lục kèm theo)

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường, đặc khu căn cứ nhiệm vụ được giao, tổ chức theo dõi, đánh giá và báo cáo kết quả thực hiện hằng năm; gửi báo cáo về Sở Y tế trước ngày 05 tháng 12 để tổng hợp.

2. Sở Y tế tổng hợp, trực tiếp báo cáo Bộ Y tế và cơ quan có thẩm quyền trước ngày 10 tháng 12 hằng năm hoặc theo yêu cầu; nội dung báo cáo tập trung vào kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ, tình hình sử dụng kinh phí, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất.

3. Tổ chức sơ kết, tổng kết hoặc đánh giá theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; kịp thời biểu dương, đề xuất khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích; chấn chỉnh những hạn chế trong quá trình triển khai.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Y tế để tổng hợp, hướng dẫn theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Bộ Y tế;
- Cục Bà mẹ và Trẻ em;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Ban TT Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Quảng Ngãi;
- UBND các xã, phường, đặc khu;
- VP UB: CVP, PCVP, NC;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX$_{LMC860}$.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Nguyễn Ngọc Sâm